BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 97/2011/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2011*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 66/2009/TT-BTC ngày 30/3/2009 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 17/12/2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công an;

Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam như sau:

Điều 1.

1. Bổ sung điểm d vào khoản 2 mục I Phụ lục Biểu mức thu lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực và các loại giấy tờ về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 66/2009/TT-BTC ngày 30/3/2009 của Bộ Tài chính như sau:

d) Giấy thông hành nhập xuất cảnh cho công dân Việt Nam sang công tác, du lịch các tỉnh, thành phố biên giới Trung Quốc tiếp giáp Việt Nam: 50.000 đồng.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 1 Thông tư số 66/2009/TT-BTC như sau:

"Mức thu lệ phí xuất nhập cảnh được quy định cụ thể tại Biểu mức thu lệ phí ban hành kèm theo Thông tư này, đơn vị tính là 01 quyển hộ chiếu, 01 thị thực, 01 giấy tờ về xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam".

Điều 2.

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2011.

2. Các nội dung khác liên quan đến lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam không đề cập tại Thông tư này vẫn được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 66/2009/TT-BTC ngày 30/3/2009 của

Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp hộ chiếu, thị thực, giấy tờ về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh và cư trú tại Việt Nam.

3. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp lệ phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Phụ lục

BIỂU MỨC THU LỆ PHÍ CẤP HỘ CHIẾU, THỊ THỰC VÀ CÁC LOẠI GIẤY TỜ VỀ XUẤT CẢNH, NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH VÀ CƯ TRÚ TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 97/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài chính)

I. Mức thu đối với công dân Việt Nam

TT	Tên lệ phí	Mức thu (Đồng)
1	Hộ chiếu:	
	+ Cấp mới	200.000
	+ Cấp lại do bị hư hỏng hoặc bị mất	400.000
	+ Gia hạn	100.000
2	Giấy thông hành:	100.000
a	Giấy thông hành biên giới Việt Nam - Lào hoặc Việt Nam - Cămpuchia:	50.000
b	Giấy thông hành xuất nhập cảnh cho nhân viên mậu dịch, cán bộ vùng biên giới Việt Nam sang vùng biên giới của Trung Quốc:	50.000
c	Giấy thông hành xuất nhập cảnh cho dân cư ở các xã biên giới Việt Nam qua lại các xã biên giới Trung Quốc tiếp giáp Việt Nam:	5.000
d	Giấy thông hành nhập xuất cảnh cho công dân Việt Nam sang công tác, du lịch các tỉnh, thành phố biên giới Trung Quốc tiếp giáp Việt Nam	50.000
3	Cấp giấy phép xuất cảnh	200.000
4	Cấp công hàm xin thị thực nhập cảnh nước đến	10.000
5	Cấp công hàm xin thị thực quá cảnh nước thứ ba	5.000
6	Cấp tem AB	50.000
7	Cấp giấy xác nhận yếu tố nhân sự	100.000

Ghi chú phụ lục I:

1. Trường hợp bổ sung, sửa đổi nội dung của hộ chiếu, giấy thông hành thì thu bằng 25% mức thu tương ứng cùng loại.

2. Trẻ em đi cùng thân nhân có hộ chiếu hoặc các giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu thu bằng 25% mức thu tương ứng cùng loại.